

CÔNG TY TNHH EPIC SIGHT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH EPIC SIGHT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: EPIC SIGHT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: EPIC SIGHT

2. Mã số doanh nghiệp: 0109941372

3. Ngày thành lập: 23/03/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

78 Ngách 299/62 Đường Hoàng Mai, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0948345244

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hoá	4610
6.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao .	4649
8.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
9.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (không bao gồm: thiết bị thu phát sóng)	4652

10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính.	4659
11.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép.	4662
12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
13.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
14.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
15.	Giáo dục nhà trẻ	8511
16.	Giáo dục mẫu giáo	8512
17.	Giáo dục tiểu học	8521
18.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
19.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
20.	Đào tạo sơ cấp	8531
21.	Đào tạo trung cấp	8532
22.	Đào tạo cao đẳng	8533
23.	Đào tạo đại học	8541
24.	Đào tạo thạc sỹ	8542
25.	Đào tạo tiến sỹ	8543
26.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
27.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
28.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm Dạy về tôn giáo và Các trường của các tổ chức Đảng, Đoàn thể)	8559
29.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
30.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610
31.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
32.	Hoạt động y tế dự phòng	8691
33.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8692
34.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
35.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác	8790
36.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
37.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
38.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
39.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

40.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
41.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
42.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
43.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
44.	Lập trình máy vi tính	6201
45.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202(Chính)
46.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
47.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
48.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động của nhà báo độc lập)	6312
49.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Quản lý bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản. (Khoản 2, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 8 Điều 3 Luật Kinh doanh Bất động sản 2014)	6820
50.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
51.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
52.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.	7410
53.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
54.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
55.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
56.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
57.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
58.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
59.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
60.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
61.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
62.	Sản xuất đồng hồ	2652
63.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
64.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
65.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680

66.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
67.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
68.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
69.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
70.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
71.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
72.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
73.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
74.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
75.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
76.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
77.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử (Điều 24 Nghị định 52/2013/NĐ-CP)	4791
78.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
79.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
80.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
81.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
82.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
83.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
84.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
85.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
86.	Vận tải đường ống	4940
87.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
88.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
89.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
90.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
91.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
92.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
93.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
94.	Bốc xếp hàng hóa	5224
95.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
96.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
97.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
98.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

99.	Xuất bản phần mềm	5820
100.	Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác Chi tiết: Dịch vụ truyền hình trả tiền (trừ hoạt động sản xuất kênh chương trình trong nước và các hoạt động thông tấn, báo chí và các hoạt động Nhà nước cấm) (Điều 12 Nghị định 06/2016/NĐ-CP)	6022
101.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
102.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
103.	Hoạt động viễn thông vệ tinh	6130
104.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Kinh doanh hàng hóa viễn thông chuyên dùng (Điều 10 Nghị định 25/2011/NĐ-CP) - Cung cấp dịch vụ viễn thông (Điều 11 Nghị định 25/2011/NĐ-CP) - Bán lại dịch vụ viễn thông; (Điều 12 Nghị định 25/2011/NĐ-CP) - Đại lý dịch vụ viễn thông (Khoản 24 Điều 3 Luật Viễn Thông 2009)	6190
105.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc chỉ được kinh doanh những ngành nghề kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định pháp luật).	7730
106.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
107.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
108.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
109.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
110.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
111.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
112.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
113.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
114.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
115.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
116.	Xây dựng nhà để ở	4101
117.	Xây dựng nhà không để ở	4102
118.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
119.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
120.	Xây dựng công trình điện	4221
121.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
122.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

123.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
124.	Xây dựng công trình thủy	4291
125.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
126.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
127.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
128.	Phá dỡ	4311
129.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
130.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
131.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
132.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
133.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
134.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
135.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
136.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
137.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Việt Nam	Tổ dân phố số 3, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	25.000.000.000	50,000	034093011054	
2	ĐOÀN THỊ THU HUYỀN	Việt Nam	Tầng 1, Tập thể Công ty Công trình Giao thông 116, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	25.000.000.000	50,000	001191000980	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 01/02/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034093011054

Ngày cấp: 08/09/2020

Nơi cấp: *Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ dân phố số 3, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Căn hộ 12A06, Tòa B, Khu nhà ở Cán bộ nhân viên văn phòng TW Đảng và Báo nhân dân, Tổ dân số phố 8, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội